

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11-3-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;

2. Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa: Ông Bùi Long Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 977/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 19/02/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971; trú tại: Tổ 2, ấp 1, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị S, sinh năm 1973; trú tại: Xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Tổ 18, khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 29/10/2020 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông T và bà Phạm Thị S chung sống với nhau từ năm 1988, có tổ chức cưới hỏi nhưng không đăng ký kết hôn. Hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không

hợp nhau, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, không tôn trọng nhau. Hiện không còn quan tâm chăm sóc nhau. Ông T và bà S đã ly thân được 11 năm nay. Nay ông T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian mâu thuẫn đã kéo dài quá lâu nhưng vợ chồng không thể hàn gắn được nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà Phạm Thị S.

Về con chung: Quá trình chung sống ông T và bà S có 02 con chung là Nguyễn Xuân T, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị T, sinh năm 1992, con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 12/11/2020 bị đơn bà Phạm Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Bà S không có ý kiến gì.

Về con chung: Quá trình chung sống ông T và bà S có 02 con chung là Nguyễn Xuân T, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị T, sinh năm 1992, con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát:

1. Về tố tụng:

Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ của Thẩm phán được thực hiện đúng theo quy định.

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T khởi kiện bị đơn bà Phạm Thị S về việc tranh chấp ly hôn. Bị đơn bà Phạm Thị S có địa chỉ cư trú tại thị xã B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn Phạm Thị S vắng mặt tại phiên tòa và đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1988, có tổ chức cưới hỏi nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thời gian ông T và bà S chung sống với nhau từ năm 1988 đến năm 2010 là 22 năm nhưng vẫn không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa hai bên ông T và bà S không còn thiện chí chung sống, vợ chồng đã ly thân đến nay 11 năm, hai bên đều có nguyện vọng trả tự do cho nhau. Cho thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng không thể hàn gắn được, nên cần giải quyết dứt điểm để ổn định cuộc sống cho hai bên. Căn cứ vào điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cần tuyên bố không công nhận ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị S là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Xuân T, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị T, sinh năm 1992 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T đối với bị đơn bà Phạm Thị S về việc tranh chấp ly hôn.

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị S là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Xuân T, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị T, sinh năm 1992. Con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0048359 quyền số AA/2016 ngày 03/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Duyên

